

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A LƯỚI  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9 /2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Sao.
2. Ông Hồ Văn Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn Quảng T, xã Sơn T, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn L, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 10, tổ dân phố 6, thị trấn A L, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cháu Phan Ngọc Khánh L do nguyên đơn yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị Bê - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế,

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 18/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hoàng Thị T trình bày:*

Chị T và anh Phan Văn L yêu thương nhau đã có 01 con chung là Phan Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2009 nhưng đến ngày 10/9/2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; công việc của Chị T ở nhà chăm con nhỏ và nội trợ. Tất cả chi phí sinh hoạt gia đình là dựa vào thu nhập nghề lái xe của Anh L. Năm 2013, thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận được, thường xuyên cãi vã nhau, Anh L đã có hành vi bạo lực với Chị T. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể sống hạnh phúc, hai người đã ly thân gần 2 năm, nên Chị T chuyển hộ khẩu về địa chỉ đang ở hiện nay. Chị T mong muốn được ly hôn.

Về con chung: Phan Ngọc Khánh L sinh ngày 01/11/2009, ở với Anh L tại nhà ông nội. Chị T xin nuôi Cháu L, Anh L phải nộp tiền nuôi dưỡng 3.000.000đ mỗi tháng tính từ khi ly hôn đến lúc Cháu L đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa Chị T dành cho Cháu L quyền được chọn lựa ở với cha hoặc mẹ, chị đều đồng ý. Cháu L mong ở với Anh L thì Chị T cũng đồng ý và chị không phải nộp tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản;

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:* Anh L và chị Hoàng Thị T yêu thương nhau đã có con chung Phan Ngọc Khánh L thì mới kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013, Chị T đam mê cờ bạc, không quan tâm gia đình và con cái thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã bị Ủy ban nhân dân thị trấn A L phạt hành chính do đánh bạc. Ngày 11/5/2019 Chị T và một số người khác đánh bạc bị Tòa án Quân sự Quân khu 4 xét xử về tội “Đánh bạc”. Bản án số 03/2020/HS-ST, ngày 04/9/2020 phạt Chị T 24.000.000đ. Sau bị phạt Tòa án Quân khu 4 phạt thì Chị T về ở với mẹ đẻ của Chị T tại xã Sơn T cho đến nay. Chị T và Anh L đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, Anh L đồng ý như buổi hòa giải đã thỏa thuận.

Về con chung: Anh L làm nghề lái xe, có thu nhập ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ, đủ khả năng nuôi Cháu L. Hai năm vừa qua vợ chồng ly thân không sống chung với nhau, cháu Phan Ngọc Khánh L ở với Anh L, mọi chi phí sinh hoạt, học tập Cháu L Anh L chăm lo. Cháu L ở với Chị T không đảm bảo được sinh hoạt và học tập, do không có thu nhập ổn định, còn phải lo tiền thi hành bản án hình sự của Tòa án Quân sự Quân khu 4 phạt 24.000.000đ. Tại phiên tòa Anh L và Chị T thỏa thuận giao Cháu L cho Anh L nuôi dưỡng, Anh L không yêu cầu Chị T nộp tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung phải trả: Anh L đồng ý như trình bày của Chị T.

*Cháu Phan Ngọc Khánh L trình bày:* Cháu vẫn thương yêu cả ba và mẹ, nhưng cháu là con gái, đã đến tuổi dậy thì cần được chăm sóc, hướng dẫn của mẹ, nên Cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Tại phiên tòa Cháu L thay đổi nguyện vọng xin ở với Anh L.

*Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp hai cháu Phan Ngọc Khánh L:* Đồng ý nội dung yêu cầu nuôi con như Chị T và Anh L thỏa thuận cũng như nguyện vọng Cháu L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T và anh Phan Văn L kết hôn hợp pháp, vợ chồng mâu thuẫn do lối sống không hợp, hai người đã ly thân đã gần 2 năm không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm đến nhau, nên không thể duy trì lối sống chung, để cùng nhau xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và áp dụng Điều 39 của Bộ luật Dân sự công nhận thuận tình ly hôn của Chị T và Anh L.

Về con chung: Anh L và Chị T đã ly hôn, thỏa thuận giao cháu Phan Ngọc Khánh L cho Anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Ngọc Khánh L xin ở với cha cần chấp nhận. Đề nghị Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 58, khoản 2, 3 Điều 81, 82 và Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Phan Ngọc Khánh L cho anh Phan Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trừ khi có thay đổi khác.

Chị T không phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi Cháu L thì có quyền đi lại thăm con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu thì không đề nghị giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ chung không có, không đề nghị xem xét.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tiền án phí ly hôn Chị T đã thỏa thuận với Anh L để Chị T nộp, hôm nay không có thay đổi thì giao Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Phan Văn L đều cư trú tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới thụ lý vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Phan Văn L đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2010 ngày 10/9/2010. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Vợ chồng Chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn, không còn yêu thương nhau; hai người ly thân đã nhiều năm, không có quan tâm, trách nhiệm với nhau; không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên không có hòa thuận; chứng tỏ vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên cơ sở thuận tình ly hôn của Chị T và anh L cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận chị Hoàng Thị T và anh Phan Văn L thuận tình ly hôn.

[4] Về con: Cháu Phan Ngọc Khánh L đang ở với Anh L, mọi chi phí sinh hoạt đều do Anh L chịu trách nhiệm; Cháu L xin ở với Anh L khi cha mẹ ly hôn, Anh L và Chị T đồng ý. Giao Phan Ngọc Khánh L cho Anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, Thời gian tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cháu L đủ 18 tuổi; trừ trường hợp khi có yêu cầu thay đổi hoặc giải quyết bằng vụ án khác.

Chị T không phải nộp tiền nuôi Cháu L.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Phân chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khi vợ chồng thuận tình ly hôn chỉ nộp 50% mức án phí ly hôn là 150.000đ. Chị T và Anh L đã thỏa thuận Chị T nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận chị Hoàng Thị T và anh Phan Văn L thuận tình ly hôn; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị T và Anh L, Giao con chung Phan Ngọc Khánh L sinh ngày 01/11/2009 cho anh Phan Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc đủ 18 tuổi. Chị T không nộp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi con chung vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung:

- Tài sản chung: Không yêu cầu không giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T nộp số tiền án phí ly hôn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T đã nộp ở biên lai số AA/2016/0002670 ngày 13/6/2021 là 300.000đ được trừ vào án phí 150.000đ, trả lại cho Chị T 150.000đ.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND TT A L;
- Các đương sự; Lưu; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hồ Văn Vĩnh**

\

